

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường vào ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thu nhập khác

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác, phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ của Tài khoản 711 - "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trong kỳ báo cáo

Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), bất động sản đầu tư (BĐSDT), thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý

Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ

3.19 Chi phí khác

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản chi phí khác, phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của Tài khoản 811 - "Chi phí khác" đối ứng với bên Nợ của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trong kỳ báo cáo
Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), bất động sản đầu tư (BĐSDT), thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý
Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
4. TIỀN		
Tiền mặt	29,807,297,941	28,848,762,667
Tiền gửi ngân hàng	74,881,442,619	116,280,356,528
TỔNG CỘNG	104,688,740,560	145,129,119,195
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG		
Khách hàng dùng thẻ taxi	73,300,599,945	72,201,103,149
Khách hàng taxi vắng lái	9,213,466,450	12,620,541,985
Khách hàng khác trong nước	11,946,900,614	12,617,710,318
TỔNG CỘNG	94,460,967,009	97,439,355,452
Dự phòng khoản phải thu khách hàng	(1,025,635,606)	(1,025,635,606)
GIÁ TRỊ THUẦN	93,435,331,403	96,413,719,846

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi đầu kỳ	1,025,635,606	1,036,321,929
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ		
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ		
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi cuối kỳ	1,025,635,606	1,036,321,929
	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		
Trả trước cho mua sắm phương tiện vận tải	-	-

Khác	2,529,508,040	1,857,867,550
TỔNG CỘNG	2,529,508,040	1,857,867,550

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC		
Ngắn hạn	19,705,888,783	19,441,808,799
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	6,281,518,420	6,238,105,139
<i>Thuế TNCN bổ sung</i>	6,200,984,136	6,470,155,912
<i>Phải thu vé máy bay</i>	3,307,645,869	3,422,496,213
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	1,825,751,200	1,713,601,200
<i>BHYT, BHXH của tài xế và nhân viên</i>	895,606,318	340,518,688
<i>Các khoản khác</i>	1,194,382,840	1,256,931,647
Dài hạn	1,349,900,000	1,109,900,000
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	1,349,900,000	1,109,900,000
TỔNG CỘNG	21,055,788,783	20,551,708,799
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,934,158,251)	(1,934,158,251)
TỔNG CỘNG	19,121,630,532	18,617,550,548
Trong đó:		
- Phải thu ngắn hạn khác	19,121,630,532	18,617,550,548
- Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	-

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
8. HÀNG TỒN KHO		
Công cụ, dụng cụ	11,606,674,677	10,545,904,225
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	11,606,674,677	10,545,904,225

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6,161,571,812	905,536,269	3,923,418,954,451	3,930,486,062,532
Mua mới		153,835,000	80,367,185,402	80,521,020,402
Thanh lý, nhượng bán			(72,415,859,601)	(72,415,859,601)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	6,161,571,812	1,059,371,269	3,931,370,280,252	3,938,591,223,333
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	599,826,164	579,969,469	12,464,113,648	13,643,909,281

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2,548,037,350	727,128,326	1,500,591,324,751	1,503,866,490,427
Khấu hao trong kỳ	463,478,799	31,290,113	119,929,424,862	120,424,193,774
Thanh lý, nhượng bán			(65,111,320,518)	(65,111,320,518)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	3,011,516,149	758,418,439	1,555,409,429,095	1,559,179,363,683

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3,613,534,462	178,407,943	2,422,827,629,700	2,426,619,572,105
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	3,150,055,663	300,952,830	2,375,960,851,157	2,379,411,859,650
Tài sản sử dụng để thế chấp các khoản vay	-	-	1,785,063,031,700	1,785,063,031,700
Tài sản sử dụng để bảo lãnh thanh toán (Thuyết minh số 21)			45,477,060,546	45,477,060,546

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	297,078,181,752	297,078,181,752
Thuê mới	-	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	297,078,181,752	297,078,181,752
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	76,117,757,802	76,117,757,802
Khấu hao trong kỳ	9,283,693,458	9,283,693,458
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	85,401,451,260	85,401,451,260
Giá trị còn lại		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	220,960,423,950	220,960,423,950
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	211,676,730,492	211,676,730,492

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			1,431,221,000	1,431,221,000
Mua trong kỳ			-	-
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	-	-	1,431,221,000	1,431,221,000
Trong đó:				
Đã khấu hao hết			1,168,289,000	1,168,289,000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			1,264,857,256	1,264,857,256
Hao mòn trong kỳ			21,910,998	21,910,998
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	-	-	1,286,768,254	1,286,768,254
Giá trị còn lại				

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	-	166,363,744	166,363,744
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017	-	-	144,452,746	144,452,746

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Phương tiện vận tải

TỔNG CỘNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
-	23,993,629,074
-	23,993,629,074

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty con

GIÁ TRỊ THUẬN

Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
36,000,000,000	36,000,000,000
36,000,000,000	36,000,000,000

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Giá trị đầu tư	% sở hữu	Giá trị đầu tư	% sở hữu
Công ty cổ phần Ánh Dương Xanh Việt	36,000,000,000	90%	36,000,000,000	90%

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (“ADX”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

Bảo hiểm vật chất xe

Phí bảo trì đường bộ

Công cụ - dụng cụ đang dùng

Khác

Dài hạn

Phí bảo trì đường bộ

Chi phí thuê văn phòng tại 648 Nguyễn Trãi

Chi phí nâng cấp cải tạo văn phòng

Công cụ - dụng cụ đang dùng

Khác

TỔNG CỘNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
26,164,756,375	22,562,229,048
18,518,631,399	14,505,485,137
4,412,199,394	4,423,070,000
518,229,600	988,244,037
2,715,695,982	2,645,429,874
76,919,351,573	78,577,289,066
36,385,000	58,041,000
53,438,808,802	53,766,654,256
2,295,408,716	2,137,474,007
20,174,966,712	21,431,965,462
973,782,343	1,183,154,341
103,084,107,948	101,139,518,114

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
Phải trả người bán		
- Trả trước để mua phương tiện vận tải	500,000,000	-
- Khác hàng khác	421,852,240	400,653,431
TỔNG CỘNG	921,852,240	400,653,431

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Ngày 31 tháng 03 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	22,632,181,395	12,709,143,858	(22,632,181,395)	12,709,143,858
Thuế giá trị gia tăng	23,668,344,696	73,355,764,181	(72,403,649,668)	24,620,459,209
Thuế thu nhập cá nhân	9,344,471,891	2,388,116,142	(11,406,721,849)	325,866,184
Các loại thuế khác	0	8,900,000	(8,900,000)	-
TỔNG CỘNG	55,644,997,982	88,461,924,181	(106,451,452,912)	37,655,469,251

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
Tạm trích lương tháng 13	5,400,000,000	-
Khác	1,052,311,569	-
TỔNG CỘNG	6,452,311,569	-

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC		
Tiền lãi vay phải trả	4,533,247,881	4,475,360,765
Bảo hiểm vật chất nhân sự	729,134,468	948,347,661
Phí hoạt động của HĐQT & BKS + Quỹ khen thưởng vượt kế hoạch	661,561,596	10,600,606,596
Cổ tức phải trả	68,567,564,000	69,187,410,000
Khác	8,671,839,044	6,223,211,425
TỔNG CỘNG	83,163,346,989	91,434,936,447

Trong đó:

- Phải trả cho bên thứ ba	77,742,444,725	87,412,249,283
- Phải trả cho bên liên quan	5,420,902,264	4,022,687,164

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC		
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	114,057,379,844	117,453,339,604
Nhận ký quỹ khách hàng	45,120,500,954	43,600,373,471

Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1,500,000,000	1,500,000,000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	11,193,427,504	11,592,857,009
TỔNG CỘNG	171,871,308,302	174,146,570,084

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 03 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	958,036,239,100	1,012,871,703,591
Thuê tài chính	98,957,764,934	113,284,309,610
TỔNG CỘNG	1,056,994,004,034	1,126,156,013,201
Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	461,085,929,113	469,386,755,066
+ Vay từ ngân hàng	408,922,337,611	412,563,030,483
+ Nợ thuê tài chính	52,163,591,502	56,823,724,583
Nợ dài hạn	595,908,074,921	656,769,258,135

Tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Tăng trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Ngày 31 tháng 03 năm 2017
Vay ngân hàng	1,012,871,703,591	52,209,100,000	(107,044,564,491)	958,036,239,100
Nợ thuê tài chính	113,284,309,610		(14,326,544,676)	98,957,764,934
TỔNG CỘNG	1,126,156,013,201	52,209,100,000	(121,371,109,167)	1,056,994,004,034